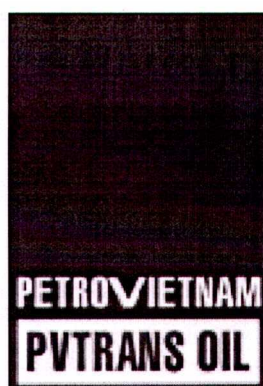


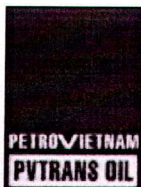
**TỔNG CÔNG TY CP VẬN TẢI DẦU KHÍ
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT**
Lầu 8, Phòng 806, 45 Võ thị sáu, F. Đa káo, Quận 1,
TP.HCM Tel : (84.8)6 291 1281 Fax : (84.8)6 291 1280



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 - NĂM 2014

Tp.HCM, năm 2014



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT
Lầu 8, Phòng 806, số 45 Võ Thị Sáu, F.Đa Kao, Quận 1, TP.HCM
Tel : (84.8)6 291 1281 Fax : (84.8)6 291 1280

Mẫu số B 01-DN/HN (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

TÀI SẢN	Mã số	T minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		142,838,981,618	120,973,553,876
I Tiền và các khoản tương đương tiền	110		117,909,373,563	57,427,131,239
1 Tiền	111	V.01	57,909,373,563	26,402,531,239
2 Các khoản tương đương tiền	112		60,000,000,000	31,024,600,000
II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	-	-
1 Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2 Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
III Các khoản phải thu	130		9,875,241,231	47,931,343,219
1 Phải thu của khách hàng	131	V.03	5,574,378,621	41,302,605,244
2 Trả trước cho người bán	132	V.03	1,914,438,124	1,754,933,346
3 Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4 Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134		-	-
5 Các khoản phải thu khác	135	V.03	4,500,122,199	7,097,217,033
6 Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		(2,113,697,713)	(2,223,412,404)
IV Hàng tồn kho	140		5,234,866,721	4,011,486,159
1 Hàng tồn kho	141	V.04	5,234,866,721	4,011,486,159
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V Tài sản ngắn hạn khác	150		9,819,500,103	11,603,593,259
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151		297,669,209	337,884,182
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		7,282,309,843	8,626,238,238
3 Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	V.05	9,169,275	9,169,275
5 Tài sản ngắn hạn khác	158		2,230,351,776	2,630,301,564
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		362,355,723,908	386,161,522,427
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1 Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2 Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3 Phải thu dài hạn nội bộ	213	V.06	-	-
4 Phải thu dài hạn khác	218	V.07	-	-
5 Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II Tài sản cố định	220		343,651,130,526	365,062,163,875
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	341,408,676,727	362,754,557,396
- Nguyên giá	222		521,836,676,744	521,836,676,744
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(180,428,000,017)	(159,082,119,348)
2 Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.09	-	-

TÀI SẢN	Mã số	T minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3 Tài sản cố định vô hình	227	V.10	2,242,453,799	2,307,606,479
- Nguyên giá	228		2,518,000,000	2,518,000,000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(275,546,201)	(210,393,521)
4 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	-	
III Bất động sản đầu tư	240	V.12	-	-
1 Nguyên giá	241		-	-
2 Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1 Đầu tư vào Công ty con	251		-	-
2 Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	252		-	
3 Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	-	-
4 Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		-	-
V Tài sản dài hạn khác	260		18,704,593,382	21,099,358,552
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	18,349,021,382	20,743,786,552
2 Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.21	-	-
3 Tài sản dài hạn khác	268		355,572,000	355,572,000
C. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200+269)	270		505,194,705,526	507,135,076,303
NGUỒN VỐN	Mã số	T minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		376,521,862,050	429,650,189,057
I Nợ ngắn hạn	310		100,960,387,050	114,666,645,307
1 Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	43,829,000,000	42,170,000,000
2 Phải trả người bán	312		19,048,545,436	34,239,853,845
3 Người mua trả tiền trước	313		9,101,933,581	10,663,765,749
4 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	V.16	59,221,106	9,455,411
5 Phải trả người lao động	315		7,976,232,180	7,411,996,957
6 Chi phí phải trả	316	V.17	6,186,121,356	6,323,116,775
7 Phải trả nội bộ	317			
8 Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	318		-	-
9 Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	14,144,672,819	13,845,740,678
10 Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		614,660,572	2,715,892
II Nợ dài hạn	330		275,561,475,000	314,983,543,750
1 Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2 Phải trả dài hạn nội bộ	332	V.19	-	-
3 Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4 Vay và nợ dài hạn	334	V.20	275,561,475,000	314,983,543,750
5 Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.21	-	-
6 Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	
7 Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-

TÀI SẢN	Mã số	T minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
8 Quỹ Phát triển khoa học & Công nghệ	339		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		128,672,843,476	77,484,887,246
I Vốn chủ sở hữu	410	V.22	128,672,843,476	77,484,887,246
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		200,000,000,000	170,000,000,000
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		500,000,000	500,000,000
3 Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4 Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	-
5 Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6 Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7 Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8 Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(71,827,156,524)	(93,015,112,754)
11 Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
II Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
2 Nguồn kinh phí	432	V.23	-	-
3 Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		-	-
Tổng cộng nguồn vốn (440=300+400+439)	440		505,194,705,526	507,135,076,303

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	T minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1 Tài sản thuê ngoài	24		
2 Vật tư hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công	N002		
3 Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gởi			
4 Nợ khó đòi đã xử lý			
5 Ngoại tệ các loại : USD	N007U	1,965,231.88	1,441,869
Ngoại tệ các loại : EUR	N007E		-
6 Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

TP.HCM, ngày 27 tháng 01 năm 2015

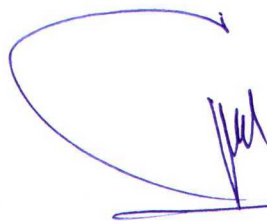
NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC



TĂNG KIM THUY VI



PHAN PHONG PHÚC




HOÀNG ĐỨC CHÍNH



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT
Lầu 8, Phòng 806, số 45 Võ Thị Sáu, F.Đa Kao, Quận 1, TP.HCM
Tel : (84.8)6 291 1281 Fax : (84.8)6 291 1280

Mẫu số B 02-DN/HN (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH QUÝ 4 NĂM 2014

ĐVT : VN đồng

CHỈ TIÊU	Th minh	Quý báo cáo		Lũy kế đầu năm đến kì báo cáo	
		Năm nay	Năm trước	Năm Nay	Năm trước
1	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.25	107,290,654,401	179,603,036,977	698,922,404,966	625,172,438,757
2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)		107,290,654,401	179,603,036,977	698,922,404,966	625,172,438,757
4. Giá vốn hàng bán	VI.28	95,081,751,274	172,274,832,486	652,030,033,651	582,670,133,896
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)		12,208,903,127	7,328,204,491	46,892,371,315	42,502,304,861
6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.29	1,626,303,311	(279,693,021)	2,332,793,298	1,812,671,963
7. Chi phí tài chính	VI.30	4,972,626,139	1,563,185,181	13,422,939,098	15,921,348,900
Trong đó : Chi phí lãi vay		2,222,898,231	2,494,168,561	9,145,428,210	11,170,948,172
: Chênh lệch tỷ giá		2,749,727,908	(930,983,380)	4,277,510,888	4,750,400,728
8. Chi phí bán hàng		-	-	-	46,771,818
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		7,366,400,873	5,779,350,714	18,043,356,221	18,376,822,343
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh:		1,496,179,426	(294,024,425)	17,758,869,294	9,970,033,763
11. Thu nhập khác		1,613,995,684	1,904,229,839	4,857,637,225	4,892,493,749
12. Chi phí khác		290,531,255	381,016,353	422,676,868	1,625,059,089
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)		1,323,464,429	1,523,213,486	4,434,960,357	3,267,434,660
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)		2,819,643,855	1,229,189,061	22,193,829,651	13,237,468,423
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	VI.31	-	-	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	VI.32	-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)		2,819,643,855	1,229,189,061	22,193,829,651	13,237,468,423

NGƯỜI LẬP

TĂNG KIM THUY VI

KẾ TOÁN TRƯỞNG

PHAN PHONG PHÚC

Tp.HCM, ngày 27 tháng 01 năm 2015

GIÁM ĐỐC



HOÀNG ĐỨC CHÍNH

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT**

Mẫu số B 03-DN/HN (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Từ ngày 01/01 đến 31/12 năm 2014

Đơn vị tính : VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Th minh	Lũy kế đầu năm đến kỳ báo cáo	
			Từ 01/01/2014 đến 31/12/2014	Từ 01/01/2013 đến 31/12/2013
I. Lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		22,193,829,651	13,237,468,423
2. Điều chỉnh cho các khoản			-	-
- Khấu hao TSCĐ	02		21,411,033,349	21,438,903,048
- Các khoản dự phòng	03		(109,714,691)	(1,180,476,629)
- Lãi/ lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		4,077,879,391	4,645,963,197
- Lãi/ lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1,632,099,164)	(1,353,209,337)
- Chi phí lãi vay	06		9,145,428,210	11,170,948,712
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		55,086,356,746	47,959,597,414
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		70,154,002,177	(21,466,949,598)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(1,223,380,562)	1,128,253,256
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay, thuế thu nhập phải nộp)	11		(16,916,278,537)	11,118,629,248
- Tăng giảm chi phí trả trước	12		2,434,980,143	18,781,463,251
- Tiền lãi vay đã trả	13		(9,562,594,108)	(17,317,919,711)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động sản xuất kinh doanh	15		40,227,202	572,746,126
- Tiền chi khác từ hoạt động sản xuất kinh doanh	16		(56,485,729)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		99,956,827,332	40,775,819,986
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(195,758,000,000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		166,782,600,000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1,174,782,498	1,189,314,531
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(27,800,617,502)	(9,081,147,838)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			-	-
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	21	30,000,000,000	30,000,000,000
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		10,500,000,000	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(52,670,000,000)	(43,296,800,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(12,170,000,000)	(13,296,800,000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		59,986,209,830	18,397,872,148
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		57,427,131,239	38,542,217,134
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		496,032,494	487,041,957
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	29	117,909,373,563	57,427,131,239

Lập, Ngày 27 tháng 01 năm 2015

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC

TĂNG KIM THUY VI

PHAN PHONG PHÚC



HOÀNG ĐỨC CHÍNH

TÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI DẦU KHÍ
CTY CP VT DẦU PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NHÀ NƯỚC
Quý 4 - Năm 2014

DVT: VND

STT	CHỈ TIÊU	Số còn phải nộp đầu kỳ	Số phát sinh trong kỳ		Lũy kế từ đầu năm		Số còn phải nộp cuối kỳ
			Số phải nộp	Số đã nộp	Số phải nộp	Số đã nộp	
1	Thuế GTGT đầu ra hàng bán nội địa	-			-	-	-
2	Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-					-
3	Thuế tiêu thụ đặc biệt	-					-
4	Thuế xuất, nhập khẩu	-			14,083,214	14,083,214	-
5	Thuế thu nhập doanh nghiệp	(9,169,275)					(9,169,275)
6	Thuế thu nhập cá nhân	32,767,139	153,426,090	126,972,123	768,006,779	718,241,084	59,221,106
7	Thuế nhà thầu nộp thay	-					-
9	Các loại thuế khác (thuế nhà thầu nộp hộ)		3,924,845,419	3,924,845,419	12,127,708,316	12,127,708,316	-
10	Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-					-
	Tổng cộng	23,597,864	4,078,271,509	4,051,817,542	12,909,798,309	12,860,032,614	50,051,831

NGƯỜI LẬP



TÀNG KIM THUY VI

KẾ TOÁN TRƯỞNG



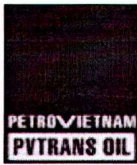
PHAN PHONG PHÚC

Tr.HCM, ngày 27 tháng 01 năm 2015
GIÁM ĐỐC



HOÀNG ĐỨC CHÍNH





TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT
Lầu 8, Phòng 806, số 45 Võ Thị Sáu, F.Đa Kao, Quận 1, TP.HCM
Tel : (84.8)6 291 1281 Fax : (84.8)6 291 1280

Mẫu số B 09-DN/HN (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÍ IV NĂM 2014

I. Đặc điểm hoạt động của Doanh Nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn : Vốn thuộc sở hữu Công ty Cổ phần
2. Lĩnh vực kinh doanh : Vận tải - Dịch vụ - Thương mại
3. Ngành nghề kinh doanh:

Kinh doanh vận tải biển; Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô; Kinh doanh vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Dịch vụ môi giới hàng hải; Dịch vụ cung ứng tàu biển; Đại lý hàng hải; Dịch vụ sửa chữa tàu biển (không hoạt động tại Trụ sở); Cho thuê phương tiện vận tải: tàu biển, xe ô tô, xe cơ giới; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Dạy nghề; Chuẩn bị mặt bằng.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

1. Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01/2014 và kết thúc ngày 31/12/2014.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty tuân thủ thực hiện báo cáo tài chính theo qui định tại QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và hệ thống các chuẩn mực kế toán - kiểm toán do Bộ tài Chính đã ban hành

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán:

Công ty bảo đảm đã tuân thủ nghiêm túc và kịp thời các Chuẩn mực kế toán căn cứ vào các thông tư hướng dẫn của Bộ Tài Chính ban hành, đúng và đủ các qui định theo chế độ kế toán Việt Nam

3. Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán trên máy tính

IV. Các chính sách kế toán áp dụng:

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

- Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán.

Tiền để lập báo cáo tài chính là đồng Việt Nam, các nghiệp vụ phát sinh có thu bằng ngoại tệ khác được quy đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá ngân hàng tại thời điểm phát sinh.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung.

- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho:

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kiểm kê định kỳ

- Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất khi giá ghi sổ của chúng cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ:

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ (hữu hình, vô hình, thuê tài chính):

TSCĐ hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá và giá trị còn lại được phân theo nhóm: Nhà cửa - vật kiến trúc; máy móc thiết bị; phương tiện vận tải và chuyên dùng; thiết bị dụng cụ quản lý. TSCĐ vô hình là chương trình phần mềm quản lý

- Phương pháp khấu hao TSCĐ (hữu hình, vô hình, thuê tài chính):

Phương pháp khấu hao TSCĐ: phương pháp khấu hao đường thẳng, tỷ lệ khấu hao hàng năm được áp dụng phù hợp với Thông tư 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 25/04/2013.

- Doanh nghiệp không được tiếp tục tính khấu hao đối với những TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết giá trị nhưng vẫn còn sử dụng vào hoạt động sản xuất, kinh doanh.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT
Lầu 8, Phòng 806, số 45 Võ Thị Sáu, F.Đa Kao, Quận 1, TP.HCM
Tel : (84.8)6 291 1281 Fax : (84.8)6 291 1280

Mẫu số B 09-DN/HN (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư:

- Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư:

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất để bán do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế,

Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác.

- Khấu hao bất động sản đầu tư:

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

- Các khoản đầu tư vào công ty con:

Quyền kiểm soát của công ty mẹ đối với công ty con được xác định khi công ty mẹ nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết ở công ty con,

Công ty mẹ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất phải hợp nhất các báo cáo tài chính của tất cả các công ty con ở trong và ngoài nước,

Công ty mẹ không được loại trừ ra khỏi Báo cáo tài chính hợp nhất các Báo cáo tài chính của Công ty con có hoạt động kinh doanh khác biệt với hoạt động của tất cả các Công ty con khác trong Tập đoàn.

- Các khoản đầu tư vào công ty liên kết:

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này,

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư.

- Các khoản đầu tư vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát:

- Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn:

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác:

Các khoản đầu tư dài hạn khác thể hiện khoản đầu tư vào các công ty khác mà Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể.

Các khoản đầu tư dài hạn được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư dài hạn. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư dài hạn được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư dài hạn.

- Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn:

6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay:

- Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh

- Tỷ lệ vốn hóa được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ:

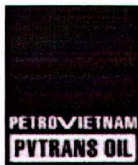
Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác :

- Chi phí trả trước dài hạn có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty với thời hạn từ một năm trở lên.

- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng hoặc sản xuất phục vụ mục đích kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm cả chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được ghi nhận phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT
Lầu 8, Phòng 806, số 45 Võ Thị Sáu, F.Đa Kao, Quận 1, TP.HCM
Tel : (84.8)6 291 1281 Fax : (84.8)6 291 1280

Mẫu số B 09-DN/HN (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

- Phương pháp phân bổ chi phí trả trước : Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ một đến ba năm kể từ ngày phát sinh.

- Phương pháp và thời gian phân bổ lợi thế thương mại:

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:

Việc ghi nhận doanh thu và chi phí phải phù hợp với nhau. Khi ghi nhận một khoản doanh thu thì phải ghi nhận một khoản chi phí tương ứng có liên quan đến việc tạo ra doanh thu đó. Chi phí tương ứng với doanh thu gồm chi phí của kỳ tạo ra doanh thu và chi phí của các kỳ trước hoặc chi phí phải trả nhưng liên quan đến doanh thu của kỳ đó.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí trả trước, dự phòng:

- Chi phí trả trước được ghi nhận khi các nghiệp vụ phát sinh đã hoàn thành, có chứng từ hợp lệ, tuân thủ nguyên tắc chi phí phù hợp doanh số sẽ thu.

- Các khoản dự phòng chỉ thực hiện khi có phát sinh phù hợp qui định của Bộ Tài Chính cho phép.

- Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

- Vốn chủ sở hữu được phản ánh trong Bảng cân đối kế toán, gồm: vốn của các nhà đầu tư, thặng dư vốn cổ phần, lợi nhuận giữ lại, các quỹ, lợi nhuận chưa phân phối, chênh lệch tỷ giá và chênh lệch đánh giá lại tài sản.

- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu mua lại: Căn cứ điều lệ hoạt động, cổ phiếu đang lưu hành được mua lại là cổ phiếu ngân quỹ được hạch toán giảm nguồn vốn cổ phần.

- Ghi nhận cổ tức: Cổ tức được ghi nhận trên cơ sở trích theo tỷ lệ đăng ký trên lợi nhuận sau thuế được thông qua tại kỳ họp đại hội cổ đông thường niên.

- Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ các quỹ từ lợi nhuận sau thuế: Các quỹ Công ty được ghi nhận trên cơ sở trích theo tỷ lệ % trên lợi nhuận sau thuế được thông qua tại kỳ họp đại hội cổ đông thường niên.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:

- Doanh thu cung cấp dịch vụ: được ghi nhận khi các giao dịch về cung cấp dịch vụ phát sinh theo yêu cầu được xác định đã hoàn thành, giá trị hợp lý, chắc chắn sẽ thu hoặc đã thu.

- Doanh thu hoạt động tài chính: là các khoản thu từ lãi tiền gửi ngân hàng, lợi nhuận được chia từ việc góp vốn liên doanh.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính:

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại:

- Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

- Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

14. Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái.

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam tại thời điểm ghi nhận trong sổ sách kế toán theo tỷ giá liên ngân hàng

15. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác:

- Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty mẹ kiểm soát cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty được đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT
 Lầu 8, Phòng 806, số 45 Võ Thị Sáu, F.Đa Kao, Quận 1, TP.HCM
 Tel : (84.8)6 291 1281 Fax : (84.8)6 291 1280

Mẫu số B 09-DN/HN (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng thống nhất tại Công ty mẹ và các công ty con

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong Tổng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ các cổ đông thiểu số phải gánh chịu vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được ghi giảm vào phần lợi ích của Tổng Công ty trừ khi các cổ đông này có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó

- Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận

VI- Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết quả HĐKD

01. Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2014	31/12/2013
- Tiền mặt	413,399,032	553,948,804
- Tiền gửi ngân hàng	57,495,974,531	25,848,582,435
- Tiền đang chuyển		
- Các khoản tương đương tiền	60,000,000,000	31,024,600,000
	117,909,373,563	57,427,131,239
02. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	31/12/2014	31/12/2013
- Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	-	-
- Đầu tư ngắn hạn khác (TGNH có kỳ hạn > 3 tháng ~ 1 năm)	-	-
- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (-)	-	-
	31/12/2014	31/12/2013
03. Các khoản phải thu ngắn hạn khác		
- Phải thu của khách hàng.	5,574,378,621	41,302,605,244
- Trả trước cho người bán.	1,914,438,124	1,754,933,346
- Phải thu khác	4,500,122,199	7,097,217,033
	11,988,938,944	50,154,755,623
04. Hàng tồn kho	30/09/2014	31/12/2013
- Hàng mua đang đi đường	-	-
- Nguyên liệu, vật liệu, PT thay thế	5,234,866,721	4,011,486,159
	5,234,866,721	4,011,486,159
05. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	31/12/2014	31/12/2013
- Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	9,169,275	9,169,275
- Thuế GTGT phải thu nhà nước	-	-
- Các khoản phải thu Nhà nước:	-	-
	9,169,275	9,169,275



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT
 Lầu 8, Phòng 806, số 45 Võ Thị Sáu, F.Đa Kao, Quận 1, TP.HCM
 Tel : (84.8)6 291 1281 Fax : (84.8)6 291 1280

Mẫu số B 09-DN/HN (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

06. Phải thu dài hạn nội bộ	31/12/2014	31/12/2013
- Cho vay dài hạn nội bộ	-	-
- Phải thu dài hạn nội bộ khác	-	-
-	-	-
	<u>-</u>	<u>-</u>

07. Phải thu dài hạn khác	31/12/2014	31/12/2013
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	355,572,000	355,572,000
- Các khoản tiền nhận ủy thác	-	-
- Cho vay không có lãi	-	-
- Phải thu dài hạn khác	-	-
	<u>355,572,000</u>	<u>355,572,000</u>

08- Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Tài sản khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình					
Số dư đầu năm	545,454,545	208,456,214	521,082,765,985	-	521,836,676,744
- Mua trong kỳ	-	35,318,182			35,318,182
- Đầu tư XD CB hoàn thành	-				-
- Tăng khác	-				-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-				-
- Thanh lý, nhượng bán	-				-
- Giảm khác	-	(35,318,182)			(35,318,182)
Số dư cuối kỳ	545,454,545	208,456,214	521,082,765,985	-	521,836,676,744
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	163,636,366	168,169,821	158,750,313,161		159,082,119,348
- Tăng trong kỳ	54,545,448	10,071,601	21,281,263,620		21,345,880,669
- Tăng khác					-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-		-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-		-
- Giảm khác (Điều chỉnh theo thông tư 45/2013)	-		-		-
Số dư cuối kỳ	218,181,814	178,241,422	180,031,576,781	-	180,428,000,017
Giá trị còn lại của TSCĐ HH					
- Tại ngày đầu kỳ	381,818,179	40,286,393	362,332,452,824	-	362,754,557,396
- Tại ngày cuối kỳ	327,272,731	30,214,792	341,051,189,204	-	341,408,676,727



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT
 Lầu 8, Phòng 806, số 45 Võ Thị Sáu, F.Đa Kao, Quận 1, TP.HCM
 Tel : (84.8)6 291 1281 Fax : (84.8)6 291 1280

Mẫu số B 09-DN/HN (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

09- Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính:

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính	-	-	-	-	-	-
Số dư đầu kỳ						
- Thuê tài chính trong kỳ						
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính						
- Tăng khác						
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính						
- Giảm khác						
Số dư cuối kỳ						
Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	-	-	-	-
Số dư đầu kỳ						
- Khấu hao trong kỳ						
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính						
- Tăng khác						
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính						
- Giảm khác						
Số dư cuối kỳ						
Giá trị còn lại của TSCĐ thuê TC	-	-	-	-	-	-
- Tại ngày đầu kỳ						
- Tại ngày cuối kỳ						

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình:

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Nhãn hiệu hàng hoá	Phần mềm máy vi tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ vô hình						
Số dư đầu kỳ	2,300,000,000	0	0	218,000,000		2,518,000,000
- Mua trong kỳ				-		-
- Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp				-		-
- Tăng khác						-
- Thanh lý, nhượng bán						-
- Giảm khác				-		-
Số dư cuối kỳ	2,300,000,000	-	-	218,000,000		2,518,000,000
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	123,293,518	-	-	87,100,003		210,393,521
- Khấu hao trong kỳ	34,352,676			30,800,004		65,152,680
- Tăng khác						-
- Thanh lý, nhượng bán						-
- Giảm khác				-		-
Số dư cuối kỳ	157,646,194	-	-	117,900,007		275,546,201
Giá trị còn lại của TSCĐVH	-	-	-	-	-	-
- Tại ngày đầu kỳ	2,176,706,482	-	-	130,899,997	-	2,307,606,479
- Tại ngày cuối kỳ	2,142,353,806	-	-	100,099,993		2,242,453,799

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

31/12/2014

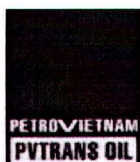
31/12/2013

- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

Trong đó (Những công trình lớn):

+ Mua sắm TSCĐ

+ Công trình khác



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT
 Lầu 8, Phòng 806, số 45 Võ Thị Sáu, F.Đa Kao, Quận 1, TP.HCM
 Tel : (84.8)6 291 1281 Fax : (84.8)6 291 1280

Mẫu số B 09-DN/HN (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

12. Tăng, giảm bất động sản đầu tư:

Khoản mục	Số đầu năm/kỳ	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm/kỳ
Nguyên giá bất động sản đầu tư	-	-	-	-
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	-	-	-	-
- Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	-	-
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	-	-	-	-
- Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
Giá trị còn lại BĐS đầu tư	-	-	-	-
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	-	-	-	-
- Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-

** Thuyết minh số liệu và giải trình khác:*

13. Đầu tư dài hạn khác:

- Đầu tư cổ phiếu
- Đầu tư trái phiếu
- Đầu tư tín phiếu, kỳ phiếu
- Cho vay dài hạn
- Đầu tư dài hạn khác:

31/12/2014

31/12/2013

-
-
-
-

-

14. Chi phí trả trước dài hạn

- Chi phí trả trước về thuê hoạt động TSCĐ
- Chi phí thành lập doanh nghiệp
- Chi phí trả trước chờ phân bổ

31/12/2014

31/12/2013

8 250,000,004

-

18,349,021,374 20,493,786,548

18,349,021,382 20,743,786,552

15. Vay và nợ ngắn hạn

- Vay ngắn hạn
- Nợ dài hạn đến hạn trả

31/12/2014

31/12/2013

-

43,829,000,000 42,170,000,000

Trong đó

Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam-Cn Sài Gòn

43,829,000,000 42,170,000,000

43,829,000,000 42,170,000,000

16. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

- Thuế thu nhập doanh nghiệp
- Thuế thu nhập cá nhân
- Các khoản phải nộp khác

31/12/2014

31/12/2013

59,221,106 9,455,411

-

59,221,106 9,455,411



TÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT
 Lầu 8, Phòng 806, số 45 Võ Thị Sáu, F.Đa Kao, Quận 1, TP.HCM
 Tel : (84.8)6 291 1281 Fax : (84.8)6 291 1280

Mẫu số B 09-DN/HN (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Tình hình tăng giảm khoản thuế và các khoản phải nộp nhà nước trong kỳ như sau:

CHỈ TIÊU	Số còn phải nộp đầu kỳ	Số phát sinh trong kỳ		Lũy kế từ đầu năm		Số còn phải nộp cuối kỳ
		Số phải nộp	Số đã nộp	Số phải nộp	Số đã nộp	
Thuế GTGT đầu ra hàng bán nội địa	-			-	-	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-					-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-					-
Thuế xuất, nhập khẩu	-			14,083,214	14,083,214	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(9,169,275)					(9,169,275)
Thuế thu nhập cá nhân	32,767,139	153,426,090	126,972,123	768,006,779	718,241,084	59,221,106
Thuế nhà thầu nộp thay	-					-
Các loại thuế khác (thuế nhà thầu nộp hộ)		3,924,845,419	3,924,845,419	12,127,708,316	12,127,708,316	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-					-
Tổng cộng	23,597,864	4,078,271,509	4,051,817,542	12,909,798,309	12,860,032,614	50,051,831

17. Chi phí phải trả	31/12/2014	31/12/2013
- Chi phí phải trả khác	2,579,360,896	2,351,346,500
- Chi phí lãi vay phải trả	3,606,760,460	3,971,770,275
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ		
- Chi phí trong thời gian ngừng kinh doanh		
	6,186,121,356	6,323,116,775

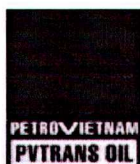
18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	31/12/2014	31/12/2013
- Tài sản thừa chờ giải quyết	-	-
- Kinh phí công đoàn	24,548,405	20,351,329
- Bảo hiểm xã hội	344,237,125	251,505,395
- Bảo hiểm y tế		
- Bảo hiểm thất nghiệp	4,545,779	
- Phải trả khác về Cổ phần hoá	-	-
- Doanh thu chưa thực hiện	-	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	13,771,341,510	13,573,883,954
	14,144,672,819	13,845,740,678

19. Phải trả dài hạn nội bộ	31/12/2014	31/12/2013
	-	-

20. Vay và nợ dài hạn	31/12/2014	31/12/2013
a) Vay dài hạn	275,561,475,000	314,983,543,750
- Vay ngân hàng	275,561,475,000	314,983,543,750

Trong đó

Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam-Cn Sài Gòn	275,561,475,000	314,983,543,750
b) Nợ dài hạn	-	-
	275,561,475,000	314,983,543,750



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT
 Lầu 8, Phòng 806, số 45 Võ Thị Sáu, F.Đa Kao, Quận 1, TP.HCM
 Tel : (84.8)6 291 1281 Fax : (84.8)6 291 1280

Mẫu số B 09-DN/HN (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

21. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	31/12/2014	31/12/2013
a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:		
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời đư		-
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng		
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản ưu đãi tính thuế chưa sử dụng		
- Khoản hoãn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước		
	-	-
b) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	31/12/2014	31/12/2013
- Thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế		
- Khoản hoãn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước		
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
	-	-

22. Vốn chủ sở hữu

a) Vốn của chủ sở hữu

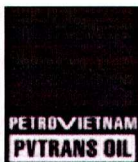
Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu ngân quỹ (*)	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ phúc lợi, khen thưởng	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
A	1	2	3	4	7	8	9
Số dư đầu năm trước	140,000,000,000	500,000,000	-			(106,252,581,177)	34,247,418,823
- Tăng vốn trong kỳ	30,000,000,000	-	-			-	30,000,000,000
- Lãi trong kỳ	-	-	-			13,237,468,423	13,237,468,423
- Tăng khác	-	-	-	-			-
- Giảm vốn trong kỳ	-	-	-			-	-
- Lỗ trong kỳ	-	-	-	-			-
- Giảm khác	-	-	-	-			-
Số dư cuối năm trước	170,000,000,000	500,000,000	-	-	-	(93,015,112,754)	77,484,887,246
Số dư đầu kỳ này	200,000,000,000	500,000,000	-	-	-	(74,612,300,379)	125,887,699,621
- Tăng trong kỳ	-	-	-	-		-	-
- Lãi trong kỳ	-	-	-	-		2,819,643,855	2,819,643,855
- Tăng khác	-	-	-	-			-
- Giảm trong kỳ	-	-	-	-		(34,500,000)	(34,500,000)
- Lỗ trong kỳ	-	-	-	-			-
- Giảm khác	-	-	-	-			-
Số dư cuối kỳ này	200,000,000,000	500,000,000	-	-	-	(71,827,156,524)	128,672,843,476

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2014	31/12/2013
- Vốn góp của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt nam		
- Vốn góp của Tổng công ty	135,974,870,000	105,974,870,000
- Vốn góp của các đối tượng khác	64,025,130,000	64,025,130,000
	200,000,000,000	170,000,000,000

c) Các quỹ của Doanh nghiệp

	31/12/2014	31/12/2013
- Quỹ đầu tư phát triển		
- Quỹ Dự phòng tài chính		
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		
	-	-



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT
Lầu 8, Phòng 806, số 45 Võ Thị Sáu, F.Đa Kao, Quận 1, TP.HCM
Tel : (84.8)6 291 1281 Fax : (84.8)6 291 1280

Mẫu số B 09-DN/HN (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

23. Nguồn kinh phí	31/12/2014	Quý năm trước
- Nguồn kinh phí được cấp trong năm	-	-
- Chi sự nghiệp	-	-
- Nguồn kinh phí còn lại cuối kỳ	-	-
24. Tài sản thuê ngoài	31/12/2014	Quý năm trước

VII- Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	31/12/2014	Quý năm trước
25. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (MS 01)	107,290,654,401	179,603,036,977
- Doanh thu bán hàng	58,215,458,599	124,236,037,249
- Doanh thu bán nhiên liệu, xăng dầu	29,410,025,569	79,789,644,942
- Doanh thu bán LPG		6,961,322,585
- Doanh thu cung cấp khác	28,805,433,030	37,485,069,722
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	49,075,195,802	55,366,999,728
Trong đó:		
- Doanh thu DV vận tải dầu SP	46,146,035,517	51,629,888,805
- Doanh thu DV đại lý Hàng hải	1,422,796,649	882,723,968
- Doanh thu DV cung cấp khác	1,506,363,636	2,854,386,955
26. Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
27. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (MS 10)	107,290,654,401	179,603,036,977
Trong đó:		
- Doanh thu thuần trao đổi sản phẩm, hàng hóa	58,215,458,599	124,236,037,249
- Doanh thu thuần trao đổi dịch vụ	49,075,195,802	55,366,999,728
28. Giá vốn hàng bán (MS 11)	31/12/2014	Quý năm trước
- Giá vốn của hàng hoá đã bán	57,860,384,857	123,670,102,662
- Giá vốn bán nhiên liệu, xăng dầu	29,125,090,568	79,375,036,285
- Giá vốn bán LPG	28,735,294,289	6,876,426,768
- Giá vốn cung cấp khác		37,418,639,609
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	37,221,366,417	48,604,729,824
Trong đó:		
- Giá vốn DV vận tải dầu sản phẩm	34,559,521,754	45,134,218,607
- Giá vốn DV đại lý Hàng hải	948,073,299	649,507,583
- Giá vốn DV cung cấp khác	1,713,771,364	2,821,003,634
	95,081,751,274	172,274,832,486



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT
Lầu 8, Phòng 806, số 45 Võ Thị Sáu, F.Đa Kao, Quận 1, TP.HCM
Tel : (84.8)6 291 1281 Fax : (84.8)6 291 1280

Mẫu số B 09-DN/HN (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

29. Doanh thu hoạt động tài chính (MS 21)

	31/12/2014	Quý năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1,349,212,631	571,950,353
- Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu		
- Cổ tức, lợi nhuận được chia		
- Lãi bán ngoại tệ	22,981,093	112,403,606
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	254,089,490	15,205,664
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	20,097	(979,252,644)
- Lãi bán hàng trả chậm		
- Doanh thu hoạt động tài chính khác		
	1,626,303,311	(279,693,021)

30. Chi phí tài chính (MS 22)

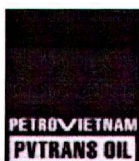
	31/12/2014	Quý năm trước
- Lãi tiền vay ngân hàng	2,222,898,231	2,487,841,682
- Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm		
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn		
- Lỗ bán ngoại tệ		
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	27,966,083	12,637,170
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2,721,761,825	(937,293,671)
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn		
- Chi phí tài chính khác		
	4,972,626,139	1,563,185,181

30a - Chi phí bán hàng

	31/12/2014	Quý năm trước
- Lương nhân viên bán hàng		
- BHXH, BHYT, nhân viên BH		
- CP vật liệu bán hàng		
- Hoa hồng môi giới		
- Chi phí bán hàng khác		
	-	-

30b - Chi phí quản lý

	31/12/2014	Quý năm trước
- Lương nhân viên quản lý	3,965,642,463	3,636,782,993
- BHXH, BHYT, BHTN nhân viên quản lý	161,647,566	199,578,679
- CP vật liệu quản lý		
- CP dụng cụ, đồ dùng văn phòng	29,661,366	8,040,730
- CP khấu hao TSCĐ	91,963,958	59,588,958
- CP thuế và lệ phí	1,000,000	
- CP dịch vụ mua ngoài	3,078,286,781	1,450,769,786
- CP các khoản dự phòng	(171,251,691)	5,415,862
- Chi phí quản lý khác	209,450,430	419,173,706
	7,366,400,873	5,779,350,714



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT
 Lầu 8, Phòng 806, số 45 Võ Thị Sáu, F.Đa Kao, Quận 1, TP.HCM
 Tel : (84.8)6 291 1281 Fax : (84.8)6 291 1280

Mẫu số B 09-DN/HN (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

31. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (MS 51)	31/12/2014	Quý năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành		
- Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay		
- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
32. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (MS 52)	31/12/2014	Quý năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế.	-	
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng	-	
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	
- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	
33. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	31/12/2014	Quý năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	10,287,905,131	12,289,713,034
- Chi phí nhân công	5,771,603,185	2,634,869,988
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	5,444,722,295	5,352,758,337
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	80,734,471,106	157,358,187,467
- Chi phí khác bằng tiền	209,450,430	418,654,374
	102,448,152,147	178,054,183,200

VIII- Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

34. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng

IX- Những thông tin khác:

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác:

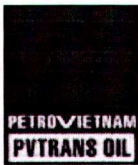
Thuê hoạt động thể hiện các khoản thuê văn phòng Tổng Công ty và khoản thuê tàu. Các hợp đồng thuê được ký cho thời hạn năm năm. Tại ngày kết thúc giai đoạn, Tổng Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động với lịch thanh toán như sau:

2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

3. Thông tin về nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan:

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch sau đây với các bên liên quan:

	Từ 01/10/2014 đến 31/12/2014	Từ 01/10/2013 đến 31/12/2013
Dịch vụ cung cấp (Doanh thu nội bộ)		
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Phương Nam		510,124,000
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	17,000,585,550	73,830,881,668
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	17,986,642,756	16,370,198,918
CN TCTY Khí VN- CTY CP - CTY KD SP khí	3,812,355,373	4,750,768,199
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại và dịch vụ Dầu Khí Biển	121,055,452	



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT
Lầu 8, Phòng 806, số 45 Võ Thị Sáu, F.Đa Kao, Quận 1, TP.HCM
Tel : (84.8)6 291 1281 Fax : (84.8)6 291 1280

Mẫu số B 09-DN/HN (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Các khoản vay

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn

- Gốc vay đã thanh toán

- Lãi vay đã trả

2,480,061,090

Thu nhập hoạt động tài chính

Cổ tức nhận được

Góp vốn trong năm

Tập đoàn Dầu khí Việt Nam

Tổng công ty CP Vận tải Dầu Khí (PVTrans)

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát trong năm như sau:

	Từ 01/10/2014 đến 31/12/2014	Từ 01/10/2013 đến 31/12/2013
Lương thưởng và các khoản phúc lợi khác	630,426,715	583,534,073
	-	-

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	đến 31/12/2014	31/12/2013
Vay		
Ngân hàng TM CP Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn		
- Gốc vay phải trả	319,390,475,000	357,153,543,750
- Lãi vay phải trả	3,606,760,460	3,971,770,275

Phải thu thương mại

Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Phương Nam

2,371,736,400

Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương

28,367,109,225

Tổng Công ty Dầu Việt Nam

2,413,829,190

(63,085,890)

Công ty CP vận tải sản phẩm khí quốc tế

2,744,619,200

Phải thu khác

Tổng Công ty Dầu Việt Nam

187,903,988

3,064,679,579

Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Phương Nam



TÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT
 Lầu 8, Phòng 806, số 45 Võ Thị Sáu, F.Đa Kao, Quận 1, TP.HCM
 Tel : (84.8)6 291 1281 Fax : (84.8)6 291 1280

Mẫu số B 09-DN/HN (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Phải trả thương mại

Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Phương Nam	67,903,157	742,472,302
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương		17,477,460
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	84,150,000	
Công ty Bảo hiểm PVI TP.HCM		17,477,460
CN Công ty CP Đầu Tư Phát Triển Gas Đô Thị		2,763,671,342
CTY CP đóng mới và sửa chữa tàu dầu khí nhơn trạch	273,929,671	273,929,671
Cty CP dịch vụ dầu khí Quảng Ngãi PTSC	2,976,806	3,065,208

Phải trả khác

Công ty TNHH MTV Lọc Hóa Dầu Bình Sơn	1,557,295,575	1,183,165,689
Tổng cty TM kỹ thuật và đầu tư- Công ty CP- XN Xăng dầu Petec Hải Phòng		
CN TCTY Dầu VN-CTY TNHH MTV-XN TKXD Đình Vũ		
Tổng công ty CP Vận tải Dầu Khí		
Tổng công ty dầu Việt Nam		2,077,434
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	142,937,120	232,627,681
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Phương Nam		
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương		
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi		
Công ty điều hành dầu khí Biển Đông Lô 05-3		946,620,000

4. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận (theo lĩnh vực kinh doanh hoặc khu vực địa lý) theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 'Báo cáo bộ phận' (áp dụng cho công ty niêm yết):

5. Thông tin so sánh (những thay đổi về thông tin trong báo cáo tài chính của các niên độ kế toán trước):

5.1. Lợi nhuận trước thuế tăng so với Quý báo cáo cùng kỳ năm trước:

	Quý báo cáo năm nay	Quý báo cáo cùng kỳ năm trước	Chênh lệch
+Doanh thu thuần về bán hàng và dịch vụ	107,290,654,401	179,603,036,977	(72,312,382,576)
+ Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2,819,643,855	1,229,189,061	1,590,454,794

6. Thông tin về hoạt động liên tục:

7. Những thông tin khác:

NGƯỜI LẬP

TĂNG KIM THUY VI

KẾ TOÁN TRƯỞNG

PHAN PHONG PHÚC

Lập, Ngày 27 tháng 01 Năm 2015

GIÁM ĐỐC



HOÀNG ĐỨC CHÍNH